

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 11- 2018

V/v ly hôn giữa chị Đ và anh Q

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Tuân

2. Ông Vi Quang Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Tuấn - Kiểm sát viên;

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân và Gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Hoàng Thị Đ**, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là Hoàng Thị Đ trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q từ đầu năm 2000, việc kết hôn do hai bên tìm hiểu và tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo tập quán địa phương, nhưng hai bên không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tình cảm vợ chồng

những năm đầu hòa thuận hạnh phúc, từ năm 2012 trở đi thì mâu thuẫn phát sinh và ngày càng căng thẳng, nguyên nhân là do anh Q thường xuyên uống rượu say rồi gây sự đánh chửi vợ, con; từ năm 2013 đến nay chị đã sống ly thân với anh Q. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Q được ly hôn nhau.

Vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 08/9/2000 và cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 14/5/2002; hiện tại cháu T đang ở với anh Q, cháu H đang ở với chị. Sau ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho anh Q nuôi dưỡng cháu T, giao cho chị nuôi dưỡng cháu H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về quan hệ tài sản, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đ giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

2. Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh xác nhận chị Hoàng Thị Đ trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng, tình cảm vợ chồng luôn hòa thuận hạnh phúc; cách đây khoảng 4 – 5 năm chị Đ nói với anh là đi làm thuê, nhưng chị Đ đi đâu, làm gì thì anh không biết, kể từ đó đến nay thì chị Đ không quay về chung sống với anh nữa. Nay chị Đ xin ly hôn với lý do không chính đáng nên anh không đồng ý.

Vợ chồng có 2 con chung như chị Đ trình bày là đúng, nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị Đ ly hôn anh đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; anh Nguyễn Văn Q là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Đ và anh Nguyễn Văn Q, giao cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 14/5/2002 cho chị Đ nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con, không ai được cản trở anh Q quyền thăm nom con; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hoàng Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn; Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Đ và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau năm 2000 trên cơ sở có sự thỏa thuận và tự nguyện, nhưng hai bên không đăng ký kết hôn, vi phạm Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014); việc chị Đ và anh Q chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đ và anh Q là đúng quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Đ và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 08/9/2000 và cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 14/5/2002. Ở thời điểm hiện tại cháu T đã đủ 18 tuổi, cháu đang lao động (làm thuê) tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng cháu T; cháu H hiện đang ở cùng với chị Đ, cháu có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cháu H cho chị Đ nuôi dưỡng, giáo dục là đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; chị Đ không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đ yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị Đ là dân tộc thiểu số sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn và gia đình là hộ nghèo, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Đ và anh Nguyễn Văn Q.

2. Quan hệ con chung:

Giao cho chị Hoàng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2002.

Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con;

Không ai được cản trở anh Q quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hoàng Thị Đ.

Hoàn trả chị Hoàng Thị Đ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/006949 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Chi cục Thi hành án DS huyện SD
- UBND xã Y
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thái